

KẾT QUẢ THỐNG KÊ CÁC HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC CỦA CBVC TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÂM NGHIỆP
Năm học 2009 - 2010
Đơn vị: KHOA LÂM HỌC

S TT	Họ và tên	Chức danh, Kiêm giảng	Hướng dẫn SV NCKH	NCKH cấp Bộ môn	NCKH cấp Khoa	NCKH cấp Trường		NCKH cấp Cơ sở			NCKH Cấp Bộ			NCKH cấp Nhà nước				Bài báo			SỐ GIỜ KHOA HỌC	Ghi chú: (1-Đi học tập trung, 2-Đi học không tập trung, 3-Th.sản-Con nhỏ<24t)		
						Chủ trì	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Chủ trì đề mục	Thư ký	CTV	Cấp Trường	Trong nước	Quốc tế				
1																								
1	Vĩ Văn Viện	GV																					20	
2	Nguyễn Hoàng Hương	GV	1																				30	
3	Vũ Nhâm	PGS,GVC									1												100	
4	Vũ Tiên Hinh	GS,GVCC						1			1												260	
5	Vũ Thế Hồng	GV								1													55	
6	Nguyễn Trọng Bình	GVC	1								1												170	
7	Đào Thị Hoa Hồng	GV																			2		60	
8	Vĩ Việt Đức	GV																					20	
9	Phạm Thế Anh	GV	1							1													65	Đi học không TT
10	Lê Tuấn Anh	GV	1							1													65	Đi học không TT
11	Nguyễn Duy Thịnh	GV								2													50	
12	Cao Thị Thu Hiền	GV		1						1												1	75	
13	Hồ Văn Giảng	GVC						1			1											1	240	
14	Vũ Thị Huệ	KSHDTH	2				1				1											1	180	
15	Bùi Văn Thắng	GV	1					1		1													155	
16	Vũ Kim Dung	GV								1													35	Th.sản-Con nhỏ<24t
17	Nguyễn Như Ngọc	GV																					20	Đi học không TT
18	Hà Bích Hồng	GV								1													35	Th.sản-Con nhỏ<24t
19	Nguyễn Thị Hồng Gấm	GV	4				1			3		1											285	
20	Nguyễn Thị Thu Hằng	KSHDTH	1				1			3													145	
21	Khuất Thị Hải Ninh	GV	1	1																			90	
22	Hồ Hải Ninh	GV		1					1														75	
23	Nguyễn Thị Minh Hằng	GV								1													15	Đi học không TT
24	Nguyễn Trọng Trí	GV	1						1														45	
25	Nguyễn Quỳnh Trang	GV		1																			40	
26	Kiều Văn Thịnh	GV											1										50	
27	Vũ Đại Dương	GV										1										1	90	
28	Lê Xuân Trường	GV	1										1										80	
29	Đỗ Anh Tuấn	GV	3							1	1												235	
30	Trần Thị Yên	GV																					20	Đi học không TT
31	Phạm Thị Huyền	GVC	5						1	1													205	
32	Phạm Thị Hạnh	GV	1																				30	
33	Trần Thị Mai Sen	GV	1																				30	
34	Nguyễn Thị Thu Hằng	GV		1																			40	
35	Phạm Thị Hạnh	GV		1																			40	
36	Vũ Thị Hường	GV		1																			40	
37	Nguyễn Đình Hải	GV	2					1		1													145	
38	Trần Bình Đà	GV	3	1																	3		230	
39	Phạm Quang Vinh	GV			1																		70	Đi học không TT
40	Bùi Thị Cúc	GV	4	1																			160	
41	Cần Văn Thắm	GV	2																				60	
42	Kiều Trí Đức	GV	4	1																			160	
43	Phạm Thanh Tú	GV	1	1																			70	
44	Trịnh Hải Vân	GV	3	1																			130	
45	Đông Thị Thanh	GV		1																			40	Th.sản-Con nhỏ<24t
46	Hoàng Thị Minh Huệ	GV		1																			40	Đi học không TT
47	Phùng Văn Phê	GV						2		1											2		195	
48	Nguyễn Thị Thơ	GV		1				1		2													85	Th.sản-Con nhỏ<24t
49	Bùi Thị Mai Hương	GV		1																		1	100	
50	Nguyễn Thị Khánh	GVC		2						1													95	

S TT	Họ và tên	Chức danh, Kiêm giảng	Hướng dẫn SV NCKH	NCKH cấp Bộ môn	NCKH cấp Khoa	NCKH cấp Trường		NCKH cấp Cơ sở			NCKH Cấp Bộ			NCKH cấp Nhà nước				Bài báo			SỐ GIỜ KHOA HỌC	Ghi chú: (1-Đi học tập trung, 2-Đi học không tập trung, 3-Th.sản-Con nhỏ<24t)	
						Chủ trì	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Thư ký	CTV	Chủ trì	Chủ trì đề mục	Thư ký	CTV	Cấp Trường	Trong nước	Quốc tế			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	24	
51	Phạm Quang Chung	GV		1															1			60	
52	Vũ Tiên Hưng	KSHDTH	1							1		1	1									115	
53	Đỗ Thị Quê Lâm	KSHDTH					1			1												30	
54	Lê Thị Khiêu	KSHDTH							1													40	Th.sản-Con nhỏ<24t
55	Nguyễn Văn Thanh	KSHDTH				1																50	
TỔNG CỘNG			45	19	1	4	4	6	3	25	7	4	27	0	0	0	0	0	13	0	5,065		

Ghi chú

- Các số trong bảng là số lần tham gia hoạt động khoa học nghiên cứu khoa học; bài báo trên thông tin khoa học của Trường (cấp Trường), tạp chí trong nước, tạp chí nước ngoài.
- Chủ trì đề tài, Thư ký, Chủ trì đề tài nhánh đối với đề tài cấp Nhà nước; Chủ trì đề tài cấp Bộ, cấp Cơ sở, cấp Trường được tính theo từng đối tượng (GS, GVCC: 130 giờ; PGS, GVC: 100 giờ; GV: 70 giờ; GVGDQP: 90 giờ; GVGDTC: 70 giờ; KS, KS HDTH: 50 giờ; Trợ giảng: 50 giờ; Thử việc: 30 giờ.).
- Về chế độ miễn giảm:
 - Giảng viên kiêm giảng được giảm 50% số giờ hoạt động khoa học theo định mức.
 - Cán bộ được cử đi học dài hạn hay đi học tập trung (1 năm trở lên, có quyết định của Hiệu trưởng) được miễn 100% số giờ hoạt động khoa học; cán bộ là nghiên cứu sinh, học viên cao học không tập trung và cán bộ tham gia các lớp học ngắn hạn (từ 6 tháng đến 1 năm, có quyết định của Hiệu trưởng trường ĐHLN) được giảm 50% số giờ hoạt động khoa học.
 - Cán bộ nghỉ thai sản và có con nhỏ dưới 24 tháng được miễn giảm 20 giờ KHCN.